LASERJET PROFESSIONAL P1560 and P1600

PRINTER SERIES/打印机系列

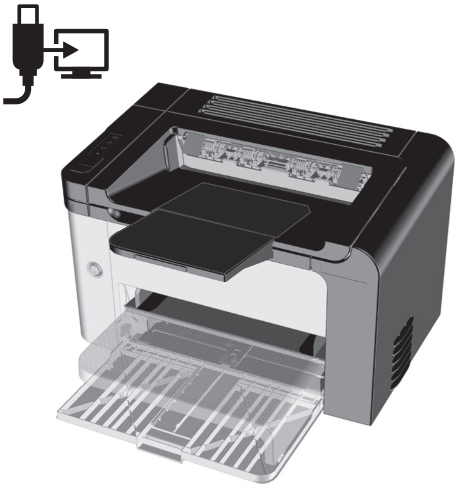

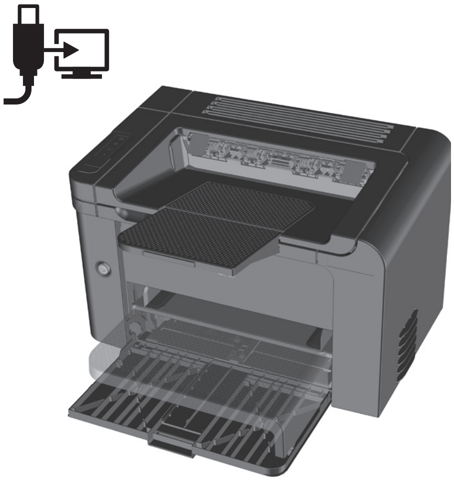

EN Getting Started Guide

CN 入门指南

ID Panduan Persiapan

KO 시작 안내서

TH คู่มือเริ่มต้นการใช้งาน

TW 入門指南

VI Hướng dẫn làm quen

www.hp.com/support/ljp1560series

www.hp.com/support/ljp1600series

Terdaftar di Deperindag Provinsi DKI Jakarta No : 0089/1.824.51

1

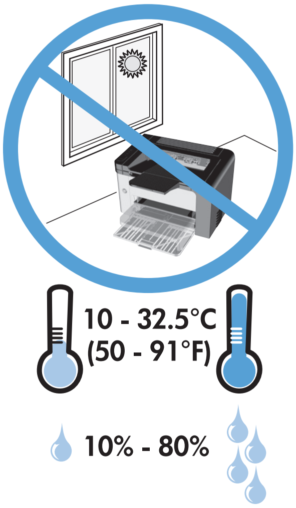

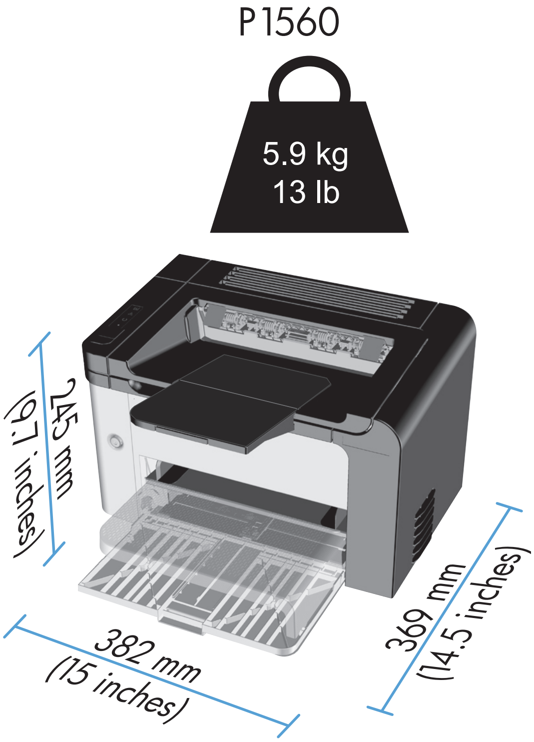

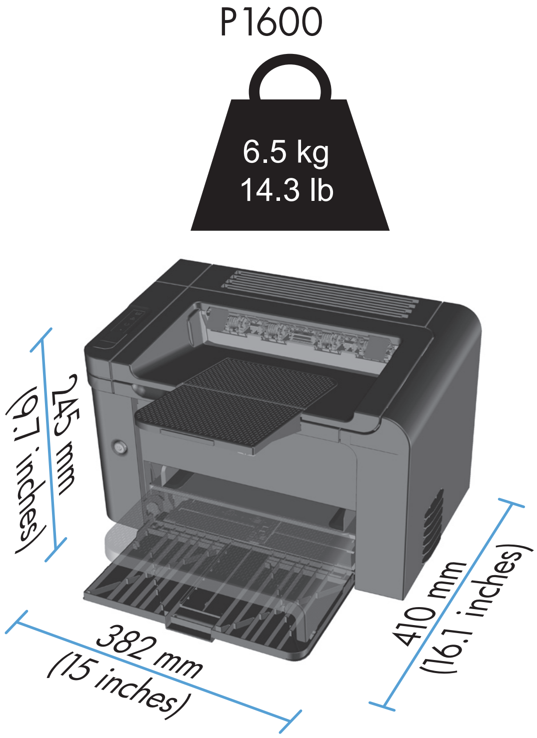

EN Select a sturdy, well-ventilated, dust-free area, away from direct sunlight to position the product.

CN 选择稳固、通风良好、清洁无尘并且远离阳光直射的位置放置该产品。

ID Untuk meletakkan produk, pilih tempat yang kokoh, berventilasi cukup, bebas debu, dan tidak terkena sinar matahari langsung.

KO 직사광선을 피해 바닥이 단단하며 통풍이 잘되고 먼지가 없는 장소를 선택하여 제품을 설치합니다.

TH เลือกบริเวณที่มั่นคง ปราศจากฝุ่น มีการระบายอากาศที่ดี และไม่มีแสงแดดส่องถึงโดยตรง สำหรับการตั้งวางอุปกรณ์

TW 請選擇一個穩固、通風良好、無塵的區域，避開陽光直射，在此區域放置產品。

VI Chọn một khu vực vững chắc, thông thoáng, sạch sẽ, tránh xa ánh nắng trực tiếp để đặt sản phẩm.

2

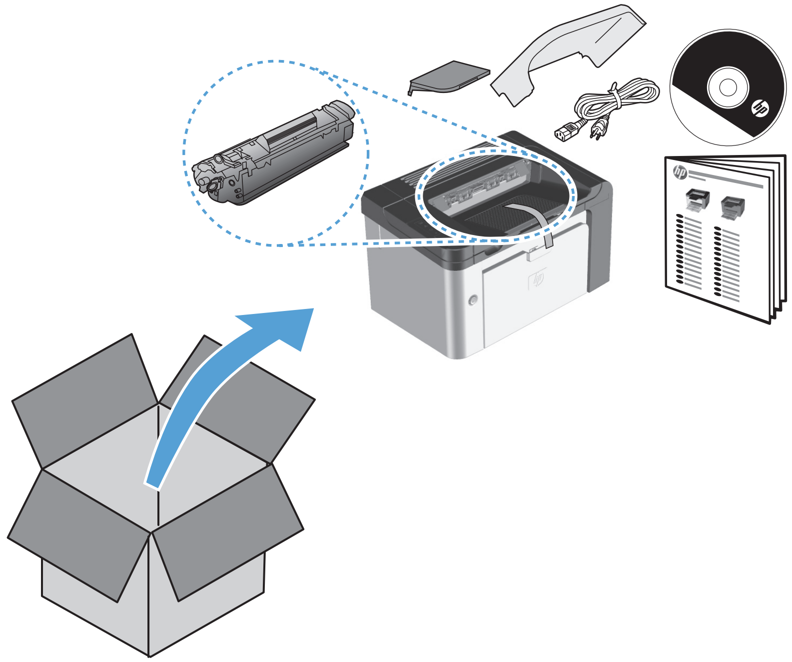

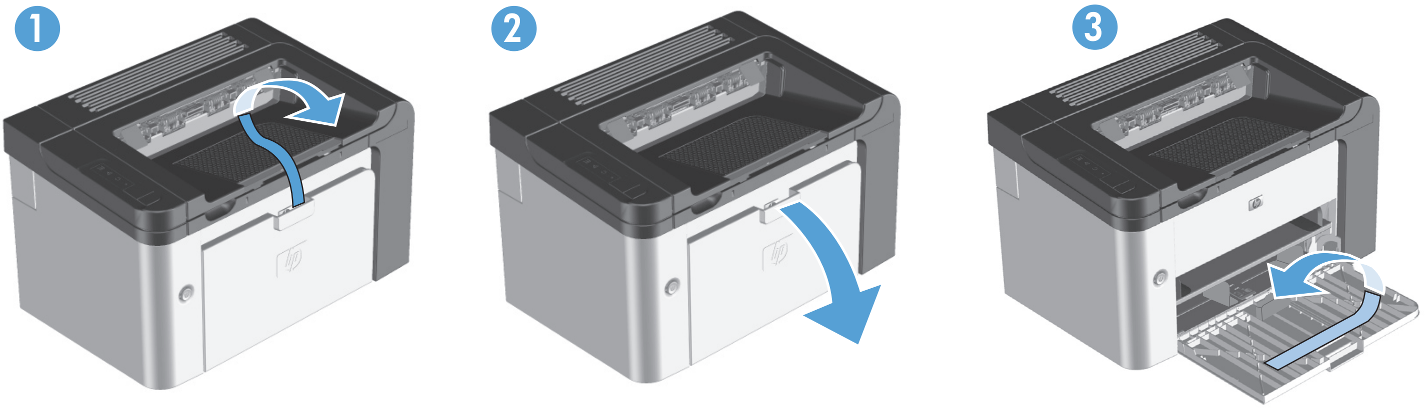

EN **Product Requirements**

- Power outlet
- USB cable (A-to-B type USB cable that is no longer than 2 m (6.56 ft))

CN **产品要求**

- 电源插座
- USB 电缆（A 转 B 型，长度不超过 2 米（6.56 英尺））。

ID **Persyaratan Produk**

- Stopkontak
- Kabel USB (kabel USB jenis A-ke-B dengan panjang maksimal 2 m)

KO **제품 요구사항**

- 전원 콘센트
- USB 케이블(길이 2m 이하의 A-B형 USB 케이블)

TH **ข้อกำหนดผลิตภัณฑ์**

- เต้าเสียบไฟฟ้า
- สายเคเบิล USB (สายเคเบิล USB ชนิด A-to-B ที่ยาวไม่เกิน 2 เมตร (6.56 ฟุต))

TW **產品需求**

- 電源插座
- USB 纜線（A 對 B 型 USB 纜線，長度不超過 2 公尺（6.56 英呎））

VI **Yêu cầu sản phẩm**

- Ổ cắm điện
- Cáp USB (cáp USB loại A-đến-B không dài quá 2 m (6,56 ft))

3

1

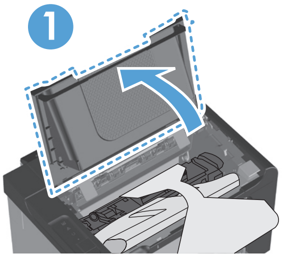

2

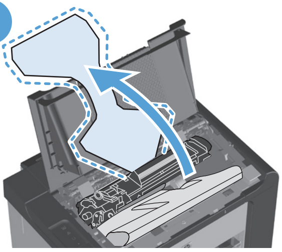

3

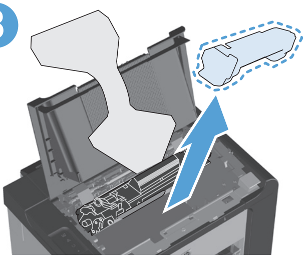

4

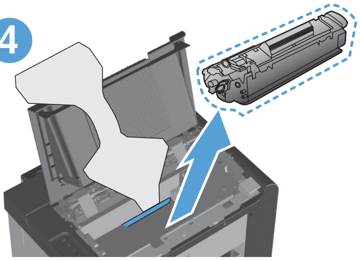

5

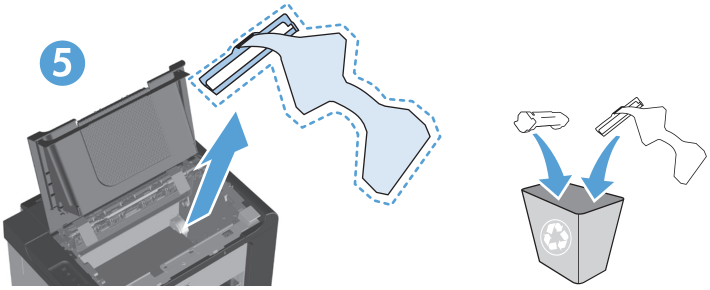

6

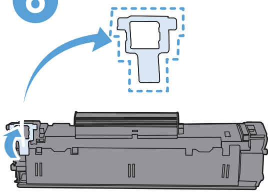

7

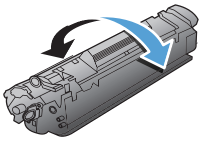

8

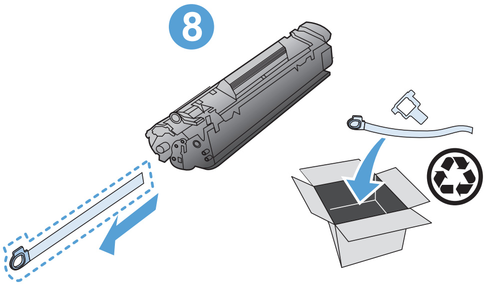

9

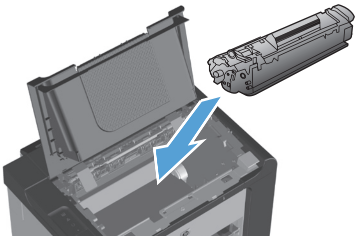

10

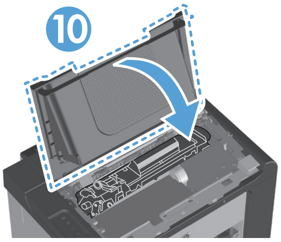

11

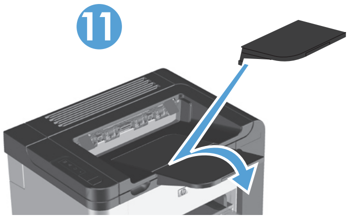

12

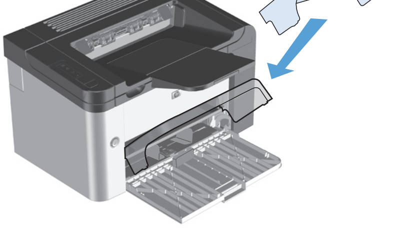

13

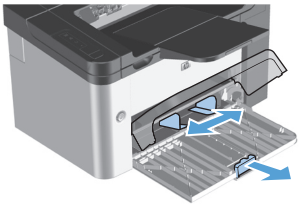

14

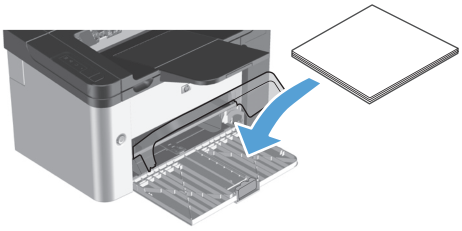

15

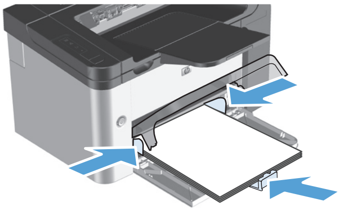

16

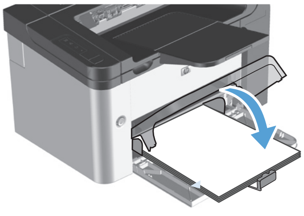

4

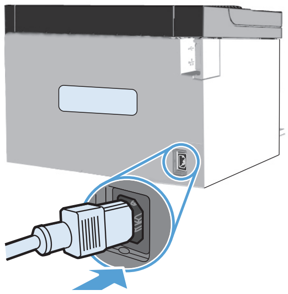

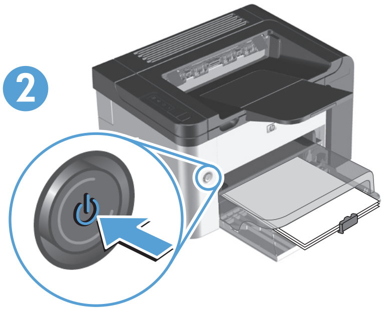

EN **Connect the power cord between the product and a grounded AC outlet, and then turn on the product.** Make sure your power source is adequate for the product voltage rating. The voltage rating is on the product label. The product uses either 110-127 VAC or 220-240 VAC and 50/60 Hz.
Caution: To prevent damage to the product, use only the power cord that is provided with the product.

CN **用电源线将产品连接到接地 AC 插座，然后打开产品电源。**请确保您的电源达到产品额定电压的要求。额定电压数据请参见产品标签上的说明。该产品要求使用 110-127 伏或 220-240 伏 (50/60 Hz) 的电压。
注意：为防止损坏产品，请只使用随产品提供的电源线。

ID **Sambungkan kabel daya ke produk dan stopkontak yang diarde, lalu hidupkan produk.** Pastikan catu daya telah sesuai dengan nilai tegangan produk. Nilai tegangan terdapat pada label produk. Produk ini menggunakan 110-127 VAC atau 220-240 VAC dan 50/60 Hz.
Perhatian: Untuk mencegah kerusakan produk, gunakan hanya kabel daya yang diberikan bersama produk.

KO **접지된 AC 콘센트에 제품 전원 코드를 연결한 후 전원을 켭니다.** 전원 전압이 제품 정격 전압 범위 내에 있는지 확인하십시오. 제품 정격 전압은 제품 라벨에 표시되어 있습니다. 이 제품은 110 ~ 127VAC 또는 220 ~ 240VAC(50/60Hz)를 사용합니다.
주의: 제품과 함께 제공되는 전원 코드를 사용해야 제품에 손상이 발생하지 않습니다.

TH **เชื่อมต่อสายไฟเข้ากับอุปกรณ์และเสียบปลั๊กไฟ AC จากนั้นให้เปิดเครื่อง** ตรวจสอบว่าแหล่งไฟฟ้าเพียงพอสำหรับแรงดันไฟฟ้าที่ใช้กับอุปกรณ์ แรงดันไฟฟ้าที่กำหนดระบุอยู่บนฉลากอุปกรณ์ อุปกรณ์นี้ใช้แรงดันไฟฟ้า 110-127 VAC หรือ 220-240 VAC และ 50/60 Hz
ข้อควรระวัง: เพื่อป้องกันไม่ให้อุปกรณ์ได้รับความเสียหาย ให้ใช้เฉพาะสายไฟที่ให้มาพร้อมกับอุปกรณ์

TW **請連接產品與接地交流電源插座之間的電源線，然後開啟產品電源。**確定電源適用於產品的額定電壓。額定電壓標明於產品標籤上。產品會使用 110-127 VAC 或 220-240 VAC 以及 50/60 Hz。
注意：如果要避免產品損壞，請只使用產品隨附的電源線。

VI **Cắm dây nguồn của sản phẩm vào ổ cắm điện xoay chiều nối đất, rồi bật sản phẩm.** Đảm bảo rằng nguồn điện của bạn đủ đáp ứng cho mức điện thế của sản phẩm. Mức điện thế được ghi trên nhãn sản phẩm. Sản phẩm sử dụng điện thế 110-127 VAC hoặc 220-240 VAC và 50/60 Hz.
Chú ý: Để tránh làm hỏng sản phẩm, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp kèm với sản phẩm.

5

Windows — USB

EN Go to step 6.
CN 转到第 6 步。
ID Lanjutkan ke langkah 6.
KO 6단계로 이동합니다.
TH ไปยังขั้นตอนที่ 6
TW 進入步驟 6。
VI Xem bước 6.

Windows — LAN

EN Go to step 7.
CN 转到第 7 步。
ID Lanjutkan ke langkah 7.
KO 7단계로 이동합니다.
TH ไปยังขั้นตอนที่ 7
TW 進入步驟 7。
VI Xem bước 7.

Mac / Universal — USB / LAN

EN Go to step 8.
CN 转到第 8 步。
ID Lanjutkan ke langkah 8.
KO 8단계로 이동합니다.
TH ไปยังขั้นตอนที่ 8
TW 進入步驟 8。
VI Xem bước 8.

6

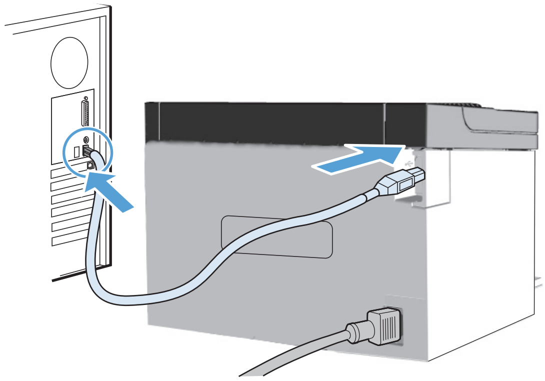

HP Smart Install

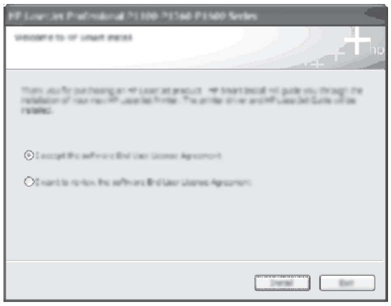

EN Windows USB installation

1. Connect the USB cable between the computer and the product. The HP Smart Install program (see picture above) should start automatically within 30 seconds.
   Note: If HP Smart Install does not start automatically, AutoPlay might be disabled on your computer. Browse My Computer and double-click the HP Smart Install CD drive. Double-click the SISetup.exe file to run the program to install the product. If you cannot find the HP Smart Install CD drive, use the software CD to install the product.
2. Follow the onscreen instructions.
3. If prompted to select a connection type, select the **Configure to print using USB** option.

CN Windows USB 安装

1. 用 USB 电缆将计算机与产品连接起来。HP Smart Install 程序（参见上图）将在 30 秒内自动启动。
   注：如果 HP Smart Install 未自动启动，则可能是您的计算机禁用了自动播放。请浏览“我的电脑”并双击 HP Smart Install CD 驱动器。双击 SISetup.exe 文件以运行程序，安装产品。如果找不到 HP Smart Install CD 驱动器，请使用软件 CD 安装产品。
2. 按照屏幕上的说明进行操作。
3. 如果程序提示您选择连接类型，请选择**配置为使用 USB 打印**选项。

ID Penginstalan USB Windows

1. Sambungkan kabel USB ke komputer dan produk. Program HP Smart Install (lihat gambar di atas) akan aktif secara otomatis dalam 30 detik.
   Catatan: Jika HP Smart Install tidak aktif secara otomatis, AutoPlay mungkin dinonaktifkan di komputer Anda. Telusuri My Computer, lalu klik dua kali drive CD HP Smart Install. Klik dua kali file SISetup.exe untuk menjalankan program dan menginstal produk. Jika Anda tidak dapat menemukan drive CD HP Smart Install, gunakan CD perangkat lunak untuk menginstal produk.
2. Ikuti petunjuk di layar.
3. Jika diminta untuk memilih jenis sambungan, gunakan pilihan **Configure to print using USB** [Konfigurasikan untuk mencetak menggunakan USB].

KO Windows USB 설치

1. USB 케이블로 제품과 컴퓨터를 연결합니다. 연결 후 30초 이내에 HP Smart Install 프로그램(위의 그림 참조)이 자동으로 시작됩니다.
   참고: AutoPlay가 비활성화된 경우 HP Smart Install 프로그램이 자동으로 시작되지 않을 수 있습니다. 이 경우 내 컴퓨터를 찾아 HP Smart Install CD 드라이브를 두 번 누른 다음 SISetup.exe 파일을 두 번 눌러 제품 설치 프로그램을 실행합니다. HP Smart Install CD 드라이브를 찾을 수 없으면 소프트웨어 CD를 사용하여 제품을 설치하십시오.
2. 화면의 지침을 따릅니다.
3. 연결 유형을 선택하라는 메시지가 나타나면 **USB를 사용하여 인쇄하도록 구성** 옵션을 선택합니다.

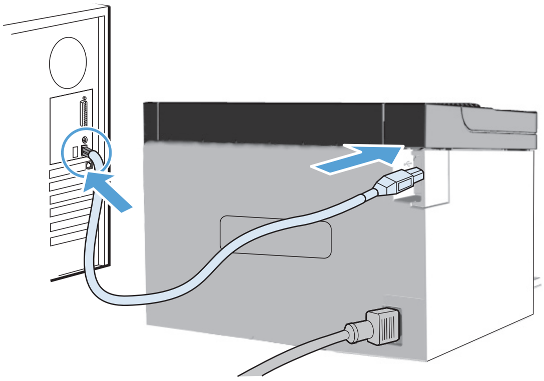

HP Smart Install

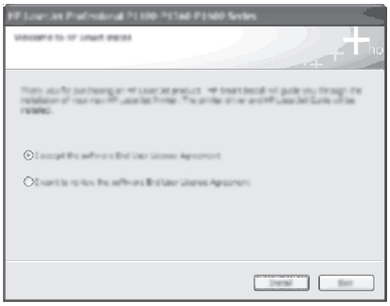

TH การติดตั้ง USB ใน Windows

1. เชื่อมต่อสายเคเบิล USB ระหว่างคอมพิวเตอร์และอุปกรณ์ โปรแกรม HP Smart Install (ดูภาพด้านบน) ควรจะเริ่มทำงานโดยอัตโนมัติภายใน 30 วินาที

   หมายเหตุ: หากโปรแกรม HP Smart Install ไม่ได้เริ่มต้นขึ้นโดยอัตโนมัติ อาจเป็นเพราะคุณลักษณะเล่นอัตโนมัติอาจถูกปิดการใช้งานบนคอมพิวเตอร์ เรียกดูที่คอมพิวเตอร์ของฉัน และดับเบิลคลิกที่ไดรฟ์ซีดี HP Smart Install เพื่อเรียกใช้โปรแกรม ดับเบิลคลิกที่ไฟล์ SISetup.exe เพื่อเรียกใช้โปรแกรมสำหรับการติดตั้ง อุปกรณ์ หากท่านไม่พบไดรฟ์ซีดี HP Smart Install ให้ใช้ซีดีซอฟต์แวร์เพื่อติดตั้งอุปกรณ์
2. ปฏิบัติตามคำแนะนำบนหน้าจอ
3. หากโปรแกรมแจ้งให้ท่านเลือกชนิดการเชื่อมต่อ ให้เลือกตัวเลือก **กำหนดค่าให้พิมพ์โดยใช้ USB**

TW Windows USB 安裝

1. 連接產品和電腦之間的 USB 纜線。HP Smart Install 程式（請參考上圖）應於 30 秒內自動啟動。

   註： 如果 HP Smart Install 未自動啟動，則可能是您的電腦已停用了自動播放。請瀏覽「我的電腦」並按兩下 HP Smart Install 光碟機。請按兩下 SISetup.exe 檔案以執行程式來安裝產品。如果找不到 HP Smart Install 光碟機，請使用軟體光碟來安裝產品。
2. 請遵照螢幕上的指示進行。
3. 如果出現要選擇連線類型的提示，請選擇「**設定為使用 USB 列印**」選項。

VI Cài đặt USB Windows

1. Kết nối cáp USB giữa máy tính và sản phẩm. Chương trình HP Smart Install (xem hình ở trên) sẽ tự động khởi động trong vòng 30 giây.

   Lưu ý: Nếu chương trình HP Smart Install không tự động khởi động thì có thể chương trình AutoPlay trên máy tính của bạn đã bị vô hiệu hóa. Duyệt My Computer và nhấp đúp vào ổ đĩa CD HP Smart Install. Nhấp đúp vào tập tin SISetup.exe để chạy chương trình để cài đặt sản phẩm. Nếu bạn không tìm thấy ổ đĩa CD HP Smart Install, hãy sử dụng đĩa CD phần mềm để cài đặt sản phẩm.
2. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình.
3. Nếu được nhắc chọn loại kết nối, hãy chọn tùy chọn **Cấu hình để in bằng USB**.

7

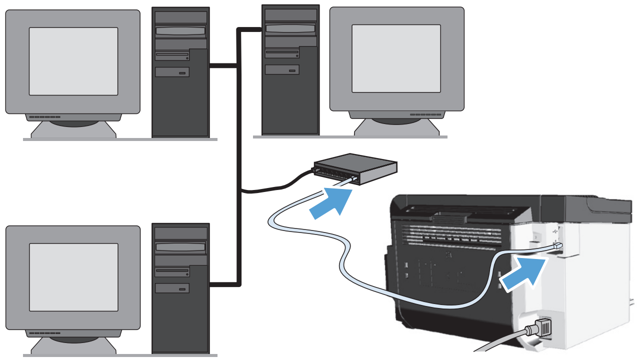

HP Smart Install

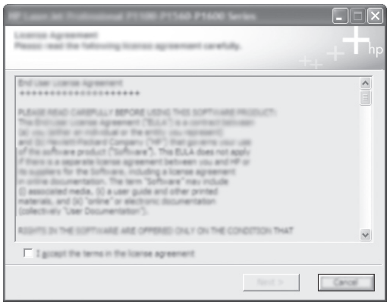

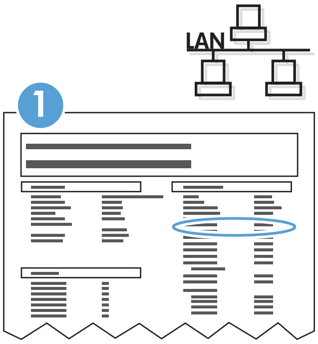

EN

Windows network installation

1. Connect the network cable to the product, and then wait about 2 minutes for the network to assign an IP address for the product.
2. From the product control panel, press and hold the Go button, and then release it when the ready light begins blinking to print a configuration page (callout 1). This page will have an IP address in the Network Information section.
3. At the computer, open a Web browser, type the product IP address in the address field, and press the Enter key to open the product embedded web server page.
4. Click the **HP Smart Install** tab, and then click the **Download** button.
5. The HP Smart Install program starts (see picture above). Follow the onscreen instructions.

CN

Windows 网络安装

1. 将网络电缆连接到产品，然后等待约两分钟的时间，以便网络为产品分配 IP 地址。
2. 在产品控制面板上，按住“执行”按钮，然后在“就绪”指示灯开始闪烁时将其松开以打印配置页（插图 1）。此页面的“网络信息”部分将包含 IP 地址。
3. 在计算机上，打开网络浏览器，在地址栏中键入产品 IP 地址，然后按 Enter 键打开产品的内嵌式 Web 服务器页面。
4. 单击 **HP Smart Install** 标签，然后单击**下载**按钮。
5. 将会启动 HP Smart Install 程序（参见上图）。按照屏幕上的说明进行操作。

ID

Penginstalan jaringan Windows

1. Sambungkan kabel jaringan ke produk, lalu tunggu sekitar 2 menit agar jaringan menetapkan alamat IP untuk produk.
2. Di panel kontrol produk, tekan terus tombol Mulai, lalu lepaskan bila lampu siap mulai berkedip untuk mencetak halaman konfigurasi (pemberitahuan 1). Halaman ini akan mencantumkan alamat IP di bagian Network Information [Informasi Jaringan].
3. Di komputer, buka browser Web, ketik alamat IP produk dalam kolom alamat, kemudian tekan tombol Enter untuk membuka halaman server Web tertanam produk.
4. Klik tab **HP Smart Install**, lalu klik tombol **Download**.
5. Program HP Smart Install akan berjalan (lihat gambar di atas). Ikuti petunjuk di layar.

KO

Windows 네트워크 설치

1. 제품을 네트워크에 연결할 수 없는 상태가 지속되면 제품의 설치를 제거했다가 다시 설치합니다.
2. 제품 제어판에서 진행 단추 를 길게 누른 다음 준비 표시등 이 깜박거리기 시작할 때 손을 떼면 구성 페이지 가 인쇄됩니다(콜아웃 1). 이 페이지의 네트워크 정보 섹션에 IP 주소가 표시됩니다.
3. 컴퓨터에서 웹 브라우저를 실행하고 주소 필드에 제품 IP 주소를 입력한 후 Enter 키를 눌러 제품에 내장된 웹 서버 페이지를 엽니다.
4. **HP Smart Install** 탭을 누른 다음 **다운로드** 단추를 누릅니다.
5. HP Smart Install 프로그램이 시작됩니다(위 그림 참조). 화면의 지침을 따릅니다.

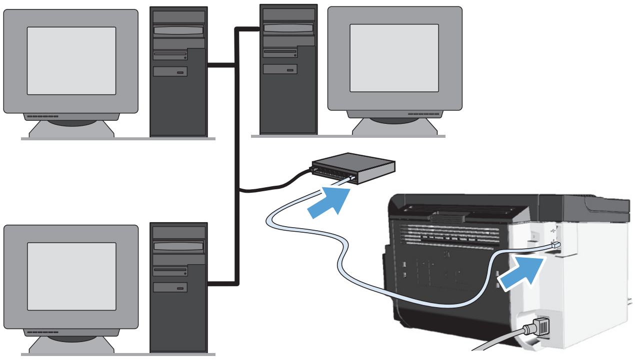

Windows

HP Smart Install

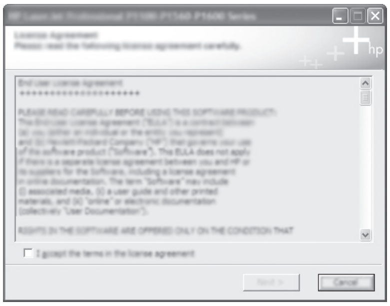

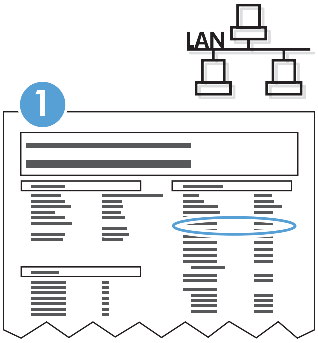

TH **การติดตั้งเครือข่าย Windows**

1. เชื่อมต่อสายเคเบิลเครือข่ายเข้ากับอุปกรณ์ แล้วรอประมาณ 2 นาทีเพื่อให้เครือข่ายกำหนดแอดเดรส IP สำหรับอุปกรณ์
2. จากแผงควบคุมอุปกรณ์ ให้กดปุ่มทำงาน ค้างไว้ จากนั้นให้ปล่อยปุ่มเมื่อไฟสัญญาณพร้อม เริ่มกะพริบ เพื่อพิมพ์ หน้าการกำหนดค่า (คำอธิบายภาพ 1) หน้านี้จะระบุแอดเดรส IP ในส่วนข้อมูลเครือข่าย
3. ที่คอมพิวเตอร์ ให้เปิดเว็บเบราเซอร์ พิมพ์แอดเดรส IP ของอุปกรณ์ในช่องแอดเดรส แล้วกดปุ่ม Enter เพื่อเปิดหน้าเว็บเซิร์ฟเวอร์ในตัวของอุปกรณ์
4. คลิกแท็บ **HP Smart Install** แล้วคลิกปุ่ม **ดาวน์โหลด**
5. โปรแกรม HP Smart Install จะเริ่มต้นขึ้น (ดูภาพด้านบน) ปฏิบัติตามคำแนะนำบนหน้าจอ

TW **Windows 網路安裝**

1. 將網路電纜連接至產品，並且等候網路大約 2 分鐘，為產品指定 IP 地址。
2. 從產品的控制面板處，按住列印按鈕 ，然後當就緒指示燈 開始閃爍時放開按鈕，以列印組態頁（標註 1）。此頁面的「網路資訊」區段中將會包含 IP 位址。
3. 在電腦上開啟 Web 瀏覽器，在位址欄位中輸入產品 IP 位址，然後按下 Enter 鍵，開啟產品的嵌入式 Web 伺服器頁面。
4. 按一下 **HP Smart Install** 標籤，然後按一下**下載**按鈕。
5. HP Smart Install 程式隨即啟動（請參考上圖）。請遵照螢幕上的指示進行。

VI **Cài đặt mạng cho Windows**

1. Cắm cáp mạng vào sản phẩm rồi đợi khoảng 2 phút để mạng gán địa chỉ IP cho sản phẩm.
2. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, nhấn và giữ nút Đi rồi nhả ra khi đèn sẵn sàng bắt đầu nhấp nháy để in trang cấu hình (khung chú thích 1). Trang này sẽ có địa chỉ IP trong phần Thông tin Mạng.
3. Trên máy tính, mở một trình duyệt Web, gõ địa chỉ IP của sản phẩm vào trường địa chỉ, rồi nhấn phím Enter để mở trang máy chủ web nhúng của sản phẩm.
4. Nhấp vào tab **HP Smart Install**, rồi nhấp vào nút **Tải xuống**.
5. Chương trình HP Smart Install khởi động (xem hình ở trên). Làm theo các hướng dẫn trên màn hình.

8

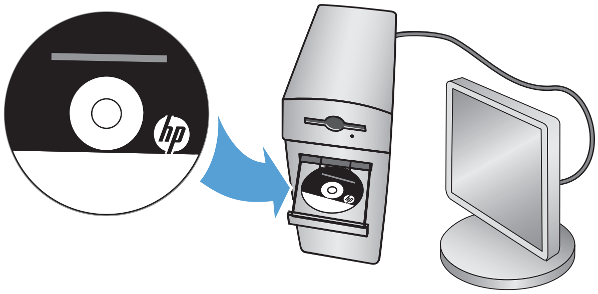

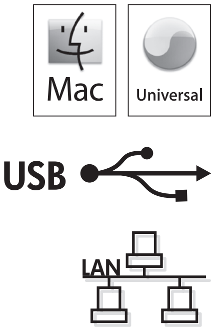

EN

Mac installation

1. Insert the software installation CD into the computer CD drive.

   Note: Connect the USB cable and turn the product on before installation.
2. In the pop-up dialog box, click the installer program.
3. Follow the onscreen instructions to install the printer driver.

CN

Mac 安装

1. 将软件安装 CD 插入计算机的 CD 驱动器中。

   注：安装之前，先连接 USB 电缆并打开产品电源。
2. 在弹出的对话框中，单击安装程序。
3. 按照屏幕上的说明安装打印机驱动程序。

ID

Penginstalan di Mac

1. Masukkan CD penginstalan perangkat lunak ke dalam drive CD komputer.

   Catatan: Sebelum menginstal, sambungkan kabel USB dan hidupkan produk.
2. Dalam kotak dialog pop-up, klik program penginstal.
3. Ikuti petunjuk penginstalan di layar untuk menginstal driver printer.

KO

Mac 설치

1. 컴퓨터 CD 드라이브에 소프트웨어 설치 CD를 넣습니다.

   참고: 설치하기 전에 USB 케이블을 연결하고 제품 전원을 켭니다.
2. 팝업 대화상자가 나타나면 설치 프로그램을 누릅니다.
3. 화면에 표시되는 지침에 따라 프린터 드라이버를 설치합니다.

TH

การติดตั้งสำหรับ Mac

1. ใส่ซีดีการติดตั้งซอฟต์แวร์ในไดรฟ์ซีดีของคอมพิวเตอร์

   หมายเหตุ: เชื่อมต่อสายเคเบิล USB และเปิดเครื่องก่อนที่จะติดตั้ง
2. ในกล่องโต้ตอบที่ปรากฏขึ้น ให้คลิกโปรแกรมติดตั้ง
3. ปฏิบัติตามคำแนะนำบนหน้าจอเพื่อติดตั้งไดรเวอร์เครื่องพิมพ์

TW

Mac 安裝

1. 將軟體安裝光碟插入電腦光碟機中。

   註：在安裝前，先連接 USB 纜線，並開啟產品電源。
2. 在快顯對話方塊中，按一下安裝程式。
3. 請依照螢幕上的指示安裝印表機驅動程式。

VI

Cài đặt cho máy Mac

1. Đưa đĩa CD cài đặt phần mềm vào ổ đĩa CD máy tính.

   Lưu ý: Kết nối cáp USB và bật sản phẩm trước khi cài đặt.
2. Trong hộp thoại bật ra, nhấp vào chương trình cài đặt.
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt trình điều khiển máy in.

9

EN The HP LaserJet Guide and other documentation are on the CD that came with the product or in the HP Program folder on your computer. The HP LaserJet Guide is a product help tool that provides easy access to product information, HP product Web support, troubleshooting guidance, and regulatory and safety information.

CN HP LaserJet 指南以及其他文档位于产品随附提供的 CD 上或计算机的 HP 程序文件夹中。HP LaserJet 指南是一种产品帮助工具，它使用户可以轻松地访问产品信息、HP 产品 Web 支持、故障排除指南以及管制和安全信息。

ID Panduan HP LaserJet dan dokumentasi lain terdapat pada CD yang diberikan bersama produk atau dalam folder HP Program di komputer Anda. Panduan HP LaserJet adalah perangkat bantuan produk yang memberikan akses mudah ke informasi produk, dukungan Web untuk produk HP, panduan untuk mengatasi masalah, serta informasi peraturan dan keselamatan.

KO 제품과 함께 제공되는 CD 또는 컴퓨터의 HP 프로그램 폴더에는 HP LaserJet 설명서 및 기타 문서가 들어 있습니다. HP LaserJet 설명서는 제품 정보 및 HP 제품의 웹 지원 정보, 문제 해결 방법, 규정 및 안전 정보에 액세스하는 데 도움을 주는 제품 지원 도구입니다.

TH คู่มือ HP LaserJet และเอกสารอื่นๆ อยู่ในแผ่นซีดีที่ให้มาพร้อมกับผลิตภัณฑ์ หรืออยู่ในโฟลเดอร์ HP Program ในคอมพิวเตอร์ของท่าน คู่มือ HP LaserJet เป็นเครื่องมือวิธีใช้อุปกรณ์ที่ช่วยให้ท่านเข้าถึงข้อมูลเกี่ยวกับอุปกรณ์ได้อย่างง่ายดาย รวมถึงการสนับสนุนทางเว็บจาก HP คำแนะนำในการแก้ไขปัญหา และข้อมูลเกี่ยวกับกฎระเบียบและความปลอดภัย

TW HP LaserJet 指南和其他文件，都可在產品隨附的 CD 或電腦的 HP 程式資料夾中找到。HP LaserJet 指南是一份產品說明工具，讓您可以輕鬆存取產品資訊、HP 產品網站支援、疑難排解指引，以及法規與安全資訊。

VI Hướng dẫn sử dụng máy in HP LaserJet và những tài liệu khác có trên đĩa CD đi kèm với sản phẩm hoặc trong thư mục Chương trình HP trên máy tính của bạn. Hướng dẫn sử dụng máy in HP LaserJet là một công cụ trợ giúp sản phẩm cung cấp cách tiếp cận thông tin sản phẩm, hỗ trợ Web sản phẩm HP, hướng dẫn xử lý sự cố và thông tin quy định và an toàn một cách dễ dàng.

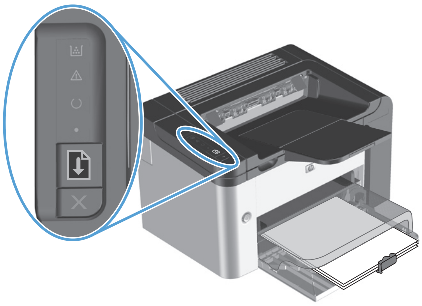

EN **Control panel**

The product control panel alerts you when problems occur. If a light is blinking, check the following:

- Print cartridge is installed correctly.
- Paper is not jammed inside the product.
- Paper is in at least one tray.
- The print cartridge door is completely closed.

See the electronic user guide or control panel simulator on the CD-ROM for complete information about solving problems.

CN **控制面板**

出现问题时，产品的控制面板会发出提醒。如果指示灯在闪烁，请检查：

- 打印碳粉盒已正确安装。
- 产品中未卡塞纸张。
- 至少有一个纸盘中放入了纸张。
- 打印碳粉盒端盖已完全合上。

有关解决问题的完整信息，请参见 CD-ROM 上的电子版用户指南或控制面板模拟器。

ID **Panel kontrol**

Panel kontrol produk akan memberi peringatan bila terjadi masalah. Jika lampu berkedip, periksa berikut ini:

- Kartrid tinta terpasang dengan benar.
- Kertas tidak macet di dalam produk.
- Kertas terdapat di minimal satu baki.
- Pintu kartrid cetak benar-benar tertutup.

Untuk informasi lengkap tentang cara mengatasi masalah, baca panduan pengguna versi elektronik atau simulator panel kontrol pada CD-ROM.

KO **제어판**

제품에 문제가 발생하면 제어판에 경고 메시지가 표시됩니다. 상태 표시등이 깜박이면 다음을 확인해 보십시오.

- 토너 카트리지가 올바르게 설치되어 있습니다.
- 제품 내부에 용지가 걸려 있지 않습니다.
- 용지함에 용지가 있습니다.
- 토너 카트리지 덮개가 잘 닫혀 있습니다.

문제 해결을 위한 자세한 정보는 CD-ROM 의 전자 사용 설명서 또는 제어판 시뮬레이터를 참조하십시오.

TH **แผงควบคุม**

แผงควบคุมอุปกรณ์จะแจ้งเตือนท่านเมื่อมีปัญหาเกิดขึ้น หากไฟสัญญาณกะพริบ ให้ตรวจสอบดังต่อไปนี้:

- ตลับหมึกพิมพ์ได้รับการติดตั้งอย่างถูกต้อง
- ไม่มีกระดาษติดอยู่ภายในเครื่อง
- มีกระดาษอยู่ในถาดอย่างน้อยหนึ่งถาด
- ฝาปิดตลับหมึกพิมพ์ปิดสนิทแล้ว

หากต้องการทราบข้อมูลเพิ่มเติมเกี่ยวกับการแก้ไขปัญหา โปรดดูคู่มือผู้ใช้ฉบับอิเล็กทรอนิกส์หรือแบบจำลองแผงควบคุมในแผ่นซีดีที่ให้มาพร้อมกับเครื่องพิมพ์

TW **控制面板**

產品控制面板會在發生問題時提供警示。如果指示燈閃爍，請檢查下列項目：

- 碳粉匣已正確安裝。
- 產品內部沒有發生卡紙。
- 至少有一個紙匣已裝入紙張。
- 碳粉匣護蓋已完全關閉。

請參閱印表機隨附光碟上的電子使用手冊或控制面板模擬器，以取得解決問題的完整資訊。

VI **Bảng điều khiển**

Bảng điều khiển cảnh báo cho bạn khi sự cố xảy ra. Nếu đèn nhấp nháy, hãy kiểm tra những điều sau:

- Hộp mực được lắp đúng cách.
- Giấy không bị kẹt bên trong sản phẩm.
- Giấy có trong ít nhất một khay.
- Cửa hộp mực in đóng hoàn toàn.

Xem hướng dẫn sử dụng điện tử hoặc mô hình bảng điều khiển trên đĩa CD-ROM để biết thông tin đầy đủ về giải quyết sự cố.

www.hp.com

종이
분리배출

Copyright and License

© 2010 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Reproduction, adaptation or translation without prior written permission is prohibited, except as allowed under the copyright laws.

The information contained herein is subject to change without notice.

The only warranties for HP products and services are set forth in the express warranty statements accompanying such products and services. Nothing herein should be construed as constituting an additional warranty. HP shall not be liable for technical or editorial errors or omissions contained herein.

Part number: CE663-90942

Edition 2, 3/2010

FCC Regulations

This equipment has been tested and found to comply with the limits for a Class B digital device, pursuant to Part 15 of the FCC rules. These limits are designed to provide reasonable protection against harmful interference in a residential installation. This equipment generates, uses, and can radiate radio-frequency energy. If this equipment is not installed and used in accordance with the instructions, it may cause harmful interference to radio communications. However, there is no guarantee that interference will not occur in a particular installation. If this equipment does cause harmful interference to radio or television reception, which can be determined by turning the equipment off and on, correct the interference by one or more of the following measures:

- Reorient or relocate the receiving antenna.
- Increase separation between equipment and receiver.
- Connect equipment to an outlet on a circuit different from that to which the receiver is located.
- Consult your dealer or an experienced radio/TV technician.

Any changes or modifications to the product that are not expressly approved by HP could void the user’s authority to operate this equipment. Use of a shielded interface cable is required to comply with the Class B limits of Part 15 of FCC rules. For more regulatory information, see the electronic user guide. Hewlett-Packard shall not be liable for any direct, indirect, incidental, consequential, or other damage alleged in connection with the furnishing or use of this information.

Trademark Credits

Windows® is a U.S. registered trademark of Microsoft Corporation.

CE663-90942

版权与许可

© 2010 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

未经事先书面许可，严禁进行任何形式的复制、改编或翻译，除非版权法另有规定。

此处包含的信息如有更改，恕不另行通知。

HP 产品和服务的所有保修事项已在产品和服务所附带的保修声明中列出。此处内容不代表任何额外保修。HP 对本文档中包含的技术或编辑错误或遗漏概不负责。

部件编号：CE663-90942

Edition 2, 3/2010

FCC 规则

经测试证明，本设备符合 FCC 规则第 15 部分对 B 类数字设备的限制规定。这些限制旨在合理地避开居住环境中的有害干扰。本设备可以产生、利用并发射无线射频能量。如果不按说明中的要求安装和使用本设备，有可能对无线电通信产生有害干扰。但并不保证特定安装中不会存在干扰。如果通过打开或关闭本设备判断出确实对无线电或电视接收造成有害干扰，建议用户采取以下一种或多种措施排除干扰：

- 调整接收天线，或将其摆放在其他位置。
- 加大设备和接收器之间的距离。
- 将设备与接收器连接到不同电路的插座上。
- 向经销商或经验丰富的无线电/电视技术人员咨询。

未经 HP 明确许可而擅自改装或改动本产品，可能会导致用户无法操作此设备。使用屏蔽的接口电缆必须遵守 FCC 规则第 15 部分的 B 类限制规定。有关规章条例的详细信息，请参阅电子版的用户指南。Hewlett-Packard 对宣称与提供或使用此信息相关的任何直接性、间接性、偶然性、结果性或其他损害概不负责。

商标声明

Windows® 是 Microsoft Corporation 在美国的注册商标。